

THÔNG TƯ

Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Nghị định số 93/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 64/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động khoa học và công nghệ, chuyển giao công nghệ

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 93/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 64/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động khoa học và công nghệ, chuyển giao công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 20/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Theo đề nghị của Chánh thanh tra Bộ và Vụ trưởng Vụ Pháp chế,

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Nghị định số 93/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 64/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động khoa học và công nghệ, chuyển giao công nghệ.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Nghị định số 93/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 64/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của

Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động khoa học và công nghệ, chuyển giao công nghệ (sau đây viết tắt là Nghị định số 93/2014/NĐ-CP).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoa học và công nghệ.

2. Tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoa học và công nghệ được quy định tại các điều 22, 23 và 24 Nghị định số 64/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động khoa học và công nghệ, chuyển giao công nghệ.

3. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoa học và công nghệ.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ (sử dụng hoặc không sử dụng ngân sách nhà nước) gồm: chương trình, đề án, đề tài, dự án sản xuất thử nghiệm, dự án khoa học và công nghệ các cấp, nhiệm vụ nghiên cứu theo chức năng hoặc các loại hình khác được thực hiện để đáp ứng yêu cầu thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, phát triển khoa học và công nghệ, được quy định cụ thể từ Khoản 4 đến Khoản 12 Điều 3 Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ (sau đây viết tắt là Nghị định số 08/2014/NĐ-CP).

2. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước là các nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại các điều 25, 26, 27 và 28 Nghị định số 08/2014/NĐ-CP.

3. Hội đồng khoa học và công nghệ (sau đây viết tắt là hội đồng) gồm:

a) Các hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ quy định tại Điều 32 Nghị định số 08/2014/NĐ-CP.

b) Các hội đồng có tên gọi khác nhưng có chức năng, nhiệm vụ tư vấn trong quá trình quản lý, tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ.

4. Thành viên hội đồng là các thành viên có tên trong danh sách hội đồng, được thành lập theo quyết định của cơ quan quản lý có thẩm quyền.

Chương II

HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH

TRONG HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 4. Hành vi vi phạm về hoạt động của hội đồng khoa học và công nghệ quy định tại Khoản 2 Điều 1 Nghị định số 93/2014/NĐ-CP

1. Hành vi đánh giá, chấm điểm không đúng với các tiêu chí do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định khi tư vấn, thẩm định, tuyển chọn, đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ của thành viên hội đồng là một trong các hành vi sau đây:

- a) Cho điểm vượt mức tối đa đối với nội dung có quy định điểm tối đa;
- b) Cho điểm lớn hơn 0 (>0) đối với nội dung mà hồ sơ không có hoặc có nhưng không đạt được mức yêu cầu của thang điểm đặt ra;
- c) Đánh giá các nội dung ở mức đạt trở lên nhưng kết luận chung ở mức không đạt;
- d) Đánh giá các nội dung đều ở mức không đạt nhưng kết luận chung ở mức đạt trở lên.

2. Hành vi cung cấp thông tin liên quan đến quá trình đánh giá, nhận xét và kết quả tư vấn khi chưa được sự cho phép của cơ quan thành lập hội đồng của thành viên hội đồng là việc thành viên hội đồng đã công bố, cung cấp các thông tin chưa được phép công bố về quá trình đánh giá, nhận xét, kết quả tư vấn của hội đồng đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Thông tin về đánh giá, nhận xét, kết quả tư vấn của hội đồng bao gồm của bản thân thành viên hội đồng hoặc thành viên khác trong hội đồng mà người công bố, cung cấp có tham gia.

Trường hợp các thông tin về đánh giá, nhận xét, kết quả tư vấn đã được cơ quan, người có thẩm quyền quyết định thành lập hội đồng tư vấn công bố công khai thì không phải là vi phạm.

Điều 5. Hành vi vi phạm về đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước quy định tại Khoản 3 Điều 1 Nghị định số 93/2014/NĐ-CP

1. Hành vi vi phạm quy định về đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước là việc tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước, không thực hiện việc đăng ký kết quả trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhiệm vụ khoa học và công nghệ được nghiệm thu chính thức, theo quy định tại Khoản 2 Điều 10 Thông tư số 14/2014/TT-BKHHCN ngày 11 tháng 6 năm 2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

2. Các trường hợp cụ thể dưới đây được xem xét, xử lý như sau:

a) Áp dụng tình tiết giảm nhẹ khi xử phạt đối với trường hợp tổ chức chủ trì đã đăng ký kết quả trong khoảng thời gian 01 năm, tính từ sau thời hạn 30 ngày nêu tại Khoản 1 Điều này đến khi hành vi vi phạm bị phát hiện.

b) Không xử phạt đối với trường hợp đã quá thời gian 01 năm, tính từ ngày tổ chức chủ trì đã đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đến khi hành vi vi phạm bị phát hiện.

Điều 6. Hành vi vi phạm về hoạt động khoa học và công nghệ quy định tại Khoản 4 Điều 1 Nghị định số 93/2014/NĐ-CP

1. Hành vi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ vượt quá thời gian đã cam kết mà không được sự đồng ý của cơ quan quản lý nhà nước giao nhiệm vụ là hành vi của tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ sử dụng ngân sách nhà nước quá thời hạn được xác định trong quyết định giao nhiệm vụ hoặc hợp đồng khoa học và công nghệ. Trường hợp có sự khác nhau về thời gian thực hiện ghi trong quyết định giao nhiệm vụ với hợp đồng thì xác định thời gian theo hợp đồng.

2. Thời gian đã cam kết thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại Khoản 1 Điều này bao gồm cả thời gian được gia hạn (nếu có). Căn cứ để xác định việc gia hạn được thể hiện bằng văn bản của cơ quan đã giao nhiệm vụ hoặc hợp đồng bổ sung.

Điều 7. Hành vi vi phạm quy định về báo cáo, đăng ký, triển khai hoạt động và giải thể tổ chức khoa học và công nghệ quy định tại Khoản 5 Điều 1 Nghị định số 93/2014/NĐ-CP

1. Hành vi tổ chức khoa học và công nghệ không báo cáo tình hình hoạt động theo quy định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền là một trong các hành vi sau đây:

a) Không gửi báo cáo định kỳ tình hình hoạt động trước ngày 15 tháng 12 hằng năm tới cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ;

b) Không báo cáo, cung cấp tài liệu, giải thích các vấn đề liên quan đến tình hình hoạt động khi được cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ yêu cầu.

2. Đối với hành vi vi phạm của tổ chức khoa học và công nghệ trong việc đăng ký, thay đổi, bổ sung, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ thì cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ được xác định là Bộ Khoa học và Công nghệ, Sở Khoa học và Công nghệ, quy định tại Điều 8 Nghị định số 08/2014/NĐ-CP.

3. Hành vi thực hiện không đúng trình tự, thủ tục giải thể tổ chức khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật là hành vi của tổ chức khoa học và công nghệ, trong quá trình giải thể đã không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định tại Khoản 3 Điều 16 Nghị định số 08/2014/NĐ-CP, bao gồm một trong các hành vi sau đây:

a) Không có quyết định giải thể hoặc quyết định giải thể không có đủ các nội dung chủ yếu gồm: tên, địa chỉ trụ sở chính của tổ chức khoa học và công nghệ; lý do giải thể; thời hạn, thủ tục thanh lý hợp đồng và thanh toán các

khoản nợ của tổ chức khoa học và công nghệ (nếu có); thời hạn thanh toán nợ, thanh lý hợp đồng không được vượt quá 06 (sáu) tháng, kể từ ngày quyết định giải thể có hiệu lực; phương án xử lý các khoản nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng lao động, quyết định tuyển dụng; họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của tổ chức khoa học và công nghệ; tổ chức, cá nhân thành lập tổ chức khoa học và công nghệ tổ chức thanh lý tài sản của tổ chức khoa học và công nghệ, trừ trường hợp Điều lệ tổ chức và hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ quy định thành lập tổ chức thanh lý riêng;

b) Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày ban hành quyết định giải thể, không gửi quyết định giải thể đến cơ quan đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ hoặc không niêm yết công khai quyết định giải thể tại trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức khoa học và công nghệ;

c) Không đăng quyết định giải thể tổ chức khoa học và công nghệ ít nhất trên một tờ báo in ở địa phương nơi đặt trụ sở chính trong 03 (ba) số liên tiếp hoặc trang tin điện tử của Bộ, ngành hoặc tỉnh nơi đặt trụ sở chính;

d) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày thanh toán hết các khoản nợ của tổ chức khoa học và công nghệ, không gửi thông báo về việc hoàn thành các nghĩa vụ quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều 16 Nghị định số 08/2014/NĐ-CP và Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ đến cơ quan đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ.

4. Chủ thể bị xử phạt theo quy định tại Khoản 5 Điều 1 Nghị định số 93/2014/NĐ-CP bao gồm: văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ trong nước; văn phòng đại diện, chi nhánh tại Việt Nam của tổ chức khoa học và công nghệ nước ngoài.

Điều 8. Hành vi vi phạm về đánh giá, xếp hạng tổ chức khoa học và công nghệ công lập quy định tại Khoản 6 Điều 1 Nghị định số 93/2014/NĐ-CP

Hành vi thực hiện đánh giá, xếp hạng không đúng phương pháp, tiêu chí đánh giá là hành vi của tổ chức đánh giá độc lập thực hiện việc đánh giá, xếp hạng đối với tổ chức khoa học và công nghệ công lập để phục vụ quản lý nhà nước, đã không thực hiện hoặc thực hiện không đúng các tiêu chí, phương pháp đánh giá quy định tại Thông tư số 38/2014/TT-BKHCN ngày 16 tháng 12 năm 2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ về đánh giá tổ chức khoa học và công nghệ.

Điều 9. Hành vi vi phạm về sở hữu, sử dụng kết quả hoạt động khoa học và công nghệ quy định tại Khoản 7 Điều 1 Nghị định số 93/2014/NĐ-CP

1. Hành vi không báo cáo đại diện chủ sở hữu nhà nước về kết quả khai thác, chuyển giao hoặc chuyển nhượng quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ là một trong các hành vi sau đây:

a) Không gửi báo cáo định kỳ kết quả khai thác, chuyển giao, chuyển nhượng tới đại diện chủ sở hữu nhà nước.

b) Không báo cáo, cung cấp tài liệu, giải thích các vấn đề liên quan đến kết quả khai thác, chuyển giao, chuyển nhượng khi đại diện chủ sở hữu nhà nước yêu cầu.

2. Hành vi không thông báo với đại diện chủ sở hữu nhà nước khi không còn khả năng khai thác quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ là việc tổ chức được giao toàn bộ hoặc một phần quyền sử dụng kết quả nghiên cứu, không thông báo với đại diện chủ sở hữu nhà nước khi không còn đáp ứng được điều kiện trong thỏa thuận giao quyền giữa chủ sở hữu nhà nước với tổ chức đó.

3. Hành vi không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quyết định giao quyền là việc tổ chức được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền giao toàn bộ hoặc một phần quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được tạo ra bằng ngân sách nhà nước, không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu đó quy định tại Khoản 4 Điều 41 Luật Khoa học và Công nghệ.

4. Đại diện chủ sở hữu nhà nước các kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ được tạo ra bằng ngân sách nhà nước quy định tại các khoản 1, 2, 3 Điều này là người có thẩm quyền gồm:

a) Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ là đại diện chủ sở hữu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia;

b) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan nhà nước khác ở trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là đại diện chủ sở hữu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ, cấp tỉnh hoặc cấp cơ sở do mình phê duyệt;

c) Thủ trưởng cơ quan, tổ chức không thuộc quy định tại Điểm a và Điểm b của Khoản này là đại diện chủ sở hữu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ do mình quyết định phê duyệt.

5. Khi xác định hành vi tại Điểm a Khoản 1 Điều này thì thời điểm phải gửi báo cáo định kỳ do cơ quan quản lý có thẩm quyền hoặc đại diện chủ sở hữu nhà nước quy định. Trường hợp chưa có quy định thì thời điểm phải gửi báo cáo định kỳ, làm căn cứ xác định hành vi vi phạm được xác định là ngày 31 tháng 12 hằng năm.

Điều 10. Hành vi vi phạm về ứng dụng, phổ biến kết quả hoạt động khoa học và công nghệ quy định tại Khoản 8 Điều 1 Nghị định số 93/2014/NĐ-CP

1. Hành vi không gửi báo cáo về việc sử dụng kinh phí dành cho hoạt động khoa học và công nghệ theo quy định của chủ đầu tư dự án, chương trình phát triển kinh tế xã hội sử dụng ngân sách nhà nước là một trong các hành vi sau đây:

a) Không gửi báo cáo định kỳ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc sử dụng kinh phí dành cho hoạt động khoa học và công nghệ;

b) Không báo cáo, cung cấp tài liệu, giải thích các vấn đề liên quan về việc sử dụng kinh phí dành cho hoạt động khoa học và công nghệ khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu;

c) Không gửi báo cáo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc sử dụng kinh phí dành cho hoạt động khoa học và công nghệ khi kết thúc dự án.

2. Hành vi không tổ chức nghiên cứu để xây dựng căn cứ khoa học trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư, giải quyết vấn đề khoa học và công nghệ phát sinh trong quá trình thực hiện là việc chủ đầu tư dự án, chương trình phát triển kinh tế xã hội sử dụng ngân sách nhà nước không căn cứ theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ để thực hiện một trong các hình thức sau:

a) Đặt hàng tổ chức khoa học và công nghệ thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

b) Tự tổ chức nghiên cứu qua hình thức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

3. Hành vi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước, có cam kết, có địa chỉ ứng dụng vào sản xuất và đời sống nhưng không trực tiếp hoặc không tham gia triển khai ứng dụng kết quả nghiên cứu vào sản xuất, đời sống là việc tổ chức chủ trì không trực tiếp hoặc không tham gia triển khai ứng dụng kết quả nghiên cứu theo hợp đồng hoặc yêu cầu bằng văn bản của bên đặt hàng, trừ trường hợp cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền hoặc chủ sở hữu kết quả nghiên cứu có yêu cầu khác.

4. Đối với hành vi vi phạm trong việc ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước vào sản xuất, đời sống thì căn cứ để xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc diện phải thẩm định trước khi ứng dụng kết quả vào sản xuất, đời sống là các nhiệm vụ quy định tại các điều 14, 15, 16 Thông tư số 02/2015/TT-BKHHCN ngày 06 tháng 03 năm 2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc đánh giá và thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước.

5. Khi xác định hành vi tại Điểm a Khoản 1 Điều này thì thời điểm phải gửi báo cáo định kỳ do cơ quan quản lý có thẩm quyền quy định. Trường hợp cơ quan quản lý có thẩm quyền chưa quy định thì mốc thời gian làm căn cứ xác định hành vi vi phạm được xác định là ngày 31 tháng 12 hằng năm.

Điều 11. Hành vi vi phạm về đăng ký, quản lý, sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quy định tại Khoản 9 Điều 1 Nghị định số 93/2014/NĐ-CP

1. Hành vi không thông báo việc thành lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ với cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ là việc tổ chức, cá nhân lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ, trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động mà không thông báo bằng văn bản việc thành lập quỹ cho Sở Khoa học và Công nghệ địa phương nơi đặt trụ sở chính của quỹ.

2. Hành vi không báo cáo việc trích, sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ theo quy định là việc tổ chức, cá nhân thành lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ không gửi báo cáo bằng văn bản việc trích, sử dụng quỹ tới cơ quan thuế, Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ địa phương nơi đăng ký thành lập quỹ. Thời hạn phải gửi báo cáo được xác định là cùng thời điểm nộp báo cáo quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp.

3. Đối với hành vi không hoàn trả đúng thời hạn kinh phí tài trợ từ Quỹ phát triển khoa học và công nghệ hình thành từ nguồn vốn ngân sách nhà nước thì thời hạn làm căn cứ xác định vi phạm được xác định theo hợp đồng hoặc quyết định tài trợ của quỹ. Trường hợp có khác nhau về thời hạn ghi trong hợp đồng và thời hạn ghi trong quyết định tài trợ thì xác định thời hạn theo hợp đồng. Thời hạn hoàn trả bao gồm cả thời gian được gia hạn (nếu có). Việc gia hạn phải được thể hiện bằng văn bản của quỹ tài trợ.

4. Khi xác định các hành vi vi phạm của tổ chức thuộc diện phải lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ thì tổ chức thuộc diện phải lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được xác định là doanh nghiệp nhà nước quy định tại Điều 9 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ.

Doanh nghiệp nhà nước là doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ theo quy định tại Khoản 8 Điều 4 Luật Doanh nghiệp năm 2014. Tỷ lệ tối thiểu mà doanh nghiệp nhà nước phải trích từ thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp để lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được xác định là mức 3%, theo quy định tại Khoản 1 Điều 9 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 12. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 12 năm 2015.
2. Quá trình thực hiện, các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thi áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

Điều 13. Trách nhiệm thi hành

1. Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ, thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Khoa học và Công nghệ để được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc Trung ương;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo, Website Chính phủ;
- Các đơn vị trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Lưu: VT, T.Tra.

